

Số: 16/2026/QĐST-DS

Ph, ngày 10 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 256/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPBank)**;
Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ Ngọc Q** - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Bùi Mạnh Th** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Ch**, sinh năm 1973; HKTT: thôn Ch, xã C, tỉnh Ph.

- Người có QL&NVLQ: Ông **Nguyễn Như Th**, sinh năm 2007; HKTT: thôn Ch, xã C, tỉnh Ph.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà **Bùi Thị Ch** phải có nghĩa vụ trả cho VP Bank tổng số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 10310811 (LD2431701217) ngày 12/11/2024 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng ngân hàng điện tử ký số: 395-P-1014241 ký ngày 12/12/2022 tạm tính đến ngày 29/01/2026 là: 1.708.935.310 đồng (*Một tỷ bảy trăm linh tám triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm mười đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là: 1.576.080.385 đồng (*Một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng*); nợ lãi trong hạn là: 53.586.008 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn không*

trăm linh tám đồng); nợ lãi quá hạn là: 79.268.917 đồng (*Bảy mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm mười bảy đồng*).

2.2. Bà Bùi Thị Ch tiếp tục phải trả cho VP Bank các khoản lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/01/2026 cho đến khi tất toán khoản vay.

2.3. Trong trường hợp bà Bùi Thị Ch không thực hiện trả nợ, tất toán được khoản vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 123; tờ bản đồ số: 34; địa chỉ: thôn Ch, xã C, huyện L, tỉnh H (Nay là thôn Ch, xã C, tỉnh Ph), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 195553; số vào sổ cấp GCN: CH 05401 do UBND huyện L, tỉnh H cấp ngày 27/12/2015; Ngày 16/6/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác nhận thừa kế cho bà Bùi Thị Ch và ông Nguyễn Như Th. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số: 2178, quyền số: 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/12/2022 tại Văn phòng công chứng Tín Phát, tỉnh H; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số: 01/PLHĐ (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số: 2178 ngày 05/12/2022), số công chứng: 1963, quyền số: 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 14/12/2023 tại Văn phòng công chứng Tín Phát, tỉnh H; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số: 02/PLHĐ (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số: 2178 ngày 05/12/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung đính kèm), số công chứng 1976, quyền số: 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 07/11/2024 tại Văn phòng công chứng Tín Phát, tỉnh H.

2.4. Về án phí: Bà Bùi Thị Ch tự nguyện chịu toàn bộ 31.634.029 đồng (*Ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn không trăm hai mươi chín đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) được nhận lại số tiền: 30.200.000 đồng (*Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền ạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0006272 ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ph.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ph;
- VKSND Khu vực 13 - Ph;
- Phòng THADS Khu vực 13, tỉnh Ph;
- Cổng thông tin TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tư Duy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của chồng và của vợ. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên, địa vị pháp lý trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

